

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 8 - 2023

V/v xin ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh;
2. Bà Trần Thị Kim Thoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 461/2023/TLST – HNGĐ ngày 16/5/2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 41/2023/QĐST - HNGĐ ngày 27/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: khu phố B, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Đỗ Nguyễn H, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: khu phố Đ, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 05/6/2023, biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H trình bày:*

Bà H và ông Đỗ Nguyễn H tự nguyện tìm hiểu, kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lái Thiêu, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 227/2013 ngày 24 tháng 9 năm 2013. Sau khi kết hôn, bà H và ông H sinh sống tại địa chỉ khu phố Đ,

phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Lúc đầu cuộc sống hôn nhân của vợ chồng rất hạnh phúc. Tuy nhiên, trong thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, năm 2014 khi bà H đang mang thai thì mâu thuẫn nghiêm trọng hơn nên bà H dọn về mẹ ruột sinh sống từ đó. Ông H không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình và ông còn nghiện ma túy dẫn đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không được như mong muốn. Năm 2018, ông H bị bắt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân thành phố Thuận An tuyên phạt 24 tháng tù, sau khi chấp hành án xong về nhà bà H nghĩ ông H sẽ thay đổi nhưng ông vẫn chứng nào tật nấy, không tu chí làm ăn, không chăm lo cho con. Hiện bà H và ông H đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không còn ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa.

Nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Nguyễn H.

Về con chung: Quá trình chung sống, có 01 con chung tên Đỗ Nguyễn Hoài A, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2015. Bà H yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Hiện bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo ý kiến, yêu cầu của mình, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ: Căn cước công dân Nguyễn Ngọc H (bản photo chứng thực); sổ hộ khẩu (bản photo chứng thực); trích lục kết hôn (bản sao); trích lục khai sinh (bản sao).

* *Đối với bị đơn ông Đỗ Nguyễn H:* Ông H đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các điều 70, 71, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các điều 70, 72, 227 và điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Mâu thuẫn giữa bà H và ông H đã trầm trọng, không thể hàn gắn làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Về con chung là cháu Đỗ Nguyễn Hoài A giao cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp; Về cấp

dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên không xem xét; tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lái Thiêu, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 227/2013, cấp ngày 24/9/2013 là đúng quy định về đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Theo bà H khai, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, năm 2014 khi bà H đang mang thai thì mâu thuẫn nghiêm trọng hơn nên bà H dọn về mẹ ruột sinh sống từ đó. Ông H không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình, không chăm lo cho con. Bà và ông H đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông H.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì vợ chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông H về nội dung yêu cầu của bà H, các thông báo và triệu tập để hòa giải, giải quyết vụ án nhưng ông H vẫn không đến Tòa án làm việc và cũng không có bất kỳ ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, chứng tỏ ông H không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét tình trạng mâu thuẫn giữa bà H và ông H đã đến mức trầm trọng, vợ chồng bà H và ông H đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, bà H yêu cầu được ly hôn với ông H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà H khai có 01 con chung tên Đỗ Nguyễn Hoài A, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2015. Bà H yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Xét, trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đã thông báo cho ông H về yêu cầu của bà H đối với việc nuôi con chung nhưng ông H không có bất kỳ ý kiến và yêu cầu nào. Quá trình tố tụng, qua ý kiến của cháu Đỗ Nguyễn Hoài A thể hiện cháu có nguyện vọng sống với bà H. Mặt khác, từ nhỏ cháu A do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét về quyền lợi về mọi mặt của con chung nên giao con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về cấp dưỡng: Hiện tại bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp ông H lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con, chăm sóc con chung theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên là cháu Đỗ Nguyễn Hoài A, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2015, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 238, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H đối với bị đơn ông Đỗ Nguyễn H về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc H được ly hôn với ông Đỗ Nguyễn H.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận kết hôn số 227/2013, cấp ngày 24/9/2012 do Ủy ban nhân dân phường Lái Thiêu, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Nguyễn Ngọc H và ông Đỗ Nguyễn H không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Nguyễn Hoài A, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2015 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp ông H lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con, chăm sóc con chung theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Hiện bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên là cháu Đỗ Nguyễn Hoài A, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2015, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc H phải nộp số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004473 ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hoa Hạnh